

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 28 /NQ-HĐND

Sóc Trăng, ngày 27 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,
chi ngân sách địa phương tỉnh Sóc Trăng năm 2021**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 13 (CHUYÊN ĐỀ)

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của
Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định
số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi
tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Công văn số 1003/KV V-TH ngày 30/11/2022 của Kiểm toán nhà
nước khu vực V về việc gửi Báo cáo kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách
địa phương năm 2021;*

*Xét Báo cáo số 93/BC-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân
sách địa phương tỉnh Sóc Trăng năm 2021; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế -
Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa
bàn, chi ngân sách địa phương tỉnh Sóc Trăng năm 2021, với nội dung chủ yếu sau:

1. Tổng quyết toán thu ngân sách nhà nước năm 2021 trên địa bàn tỉnh
Sóc Trăng là **25.505 tỷ 286 triệu đồng**, trong đó:

- a. Thu ngân sách Trung ương: 1.663 tỷ 499 triệu đồng.
- b. Thu ngân sách địa phương: 23.841 tỷ 787 triệu đồng, bao gồm:
 - Thu ngân sách tỉnh: 15.396 tỷ 593 triệu đồng;
 - Thu ngân sách huyện: 7.514 tỷ 442 triệu đồng;

- Thu ngân sách xã: 930 tỷ 752 triệu đồng.

2. Tổng quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2021 là: **23.226 tỷ 138 triệu đồng**, trong đó:

- Chi ngân sách tỉnh: 15.294 tỷ 227 triệu đồng;
- Chi ngân sách huyện: 7.035 tỷ 773 triệu đồng;
- Chi ngân sách xã: 896 tỷ 138 triệu đồng.

3. Kết dư ngân sách địa phương năm 2021 là **615 tỷ 649 triệu đồng**, trong đó:

- Kết dư ngân sách tỉnh: 102 tỷ 366 triệu đồng;
- Kết dư ngân sách huyện: 478 tỷ 669 triệu đồng;
- Kết dư ngân sách xã: 34 tỷ 614 triệu đồng.

(Chi tiết theo các biểu đính kèm)

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương tỉnh Sóc Trăng năm 2021.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng khóa X, Kỳ họp thứ 13 (chuyên đề) thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu;
- Văn phòng Quốc hội (Bộ phận phía Nam);
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực V;
- TT. TU, TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Sóc Trăng;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Hồ Thị Cẩm Đào



Biểu số 48

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 28 /NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2023

của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP (1)	11.056.579	16.926.377	5.869.798	153,09%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	3.375.860	4.243.029	867.169	125,69%
	- Thu NSDP hưởng 100%	1.781.860	2.220.212	438.352	124,60%
	- Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	1.594.000	2.022.816	428.816	126,90%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	7.680.719	7.880.759	200.040	102,60%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	5.455.461	5.455.461	0	100,00%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	2.225.258	2.425.298	200.040	108,99%
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				
IV	Thu kết dư		845.463	845.463	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		3.957.126	3.957.126	
B	TỔNG CHI NSDP (2)	11.271.279	15.192.987	3.906.208	134,79%
I	Tổng chi cân đối NSDP	9.046.021	11.474.610	2.413.089	126,85%
1	Chi đầu tư phát triển	2.489.540	3.720.056	1.230.516	149,43%
2	Chi thường xuyên	6.378.855	7.731.368	1.352.513	121,20%
3	Chi trả nợ gốc và lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	0	5.686	5.686	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	2.000	1.000	200,00%
5	Dự phòng ngân sách	176.626		-176.626	0,00%
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			0	
7	Chi cho vay		15.500	15.500	
II	Chi các chương trình mục tiêu	2.225.258	9.745	-2.215.513	0,44%
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0	9.745	9.745	

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	2.225.258		-2.225.258	0,00%
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		3.708.632	3.708.632	
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP/KẾT DƯ NSDP	214.700		-214.700	0,00%
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	0	4.415	4.415	
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc				
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh				
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	0	102.859	102.859	
I	Vay để bù đắp bội chi			0	
II	Vay để trả nợ gốc		0	0	
G	TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NSDP				

Ghi chú:

(1) Số thu ngân sách địa phương đã loại trừ số thu bổ sung từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp huyện, xã là 6.703.606 triệu đồng và thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên 108.945 triệu đồng, vay lại từ nguồn vay lại của Chính phủ: 102.859 triệu đồng

(2) Tổng chi ngân sách địa phương đã loại trừ số chi bổ sung từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp huyện và số chi bổ sung từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách cấp xã 6.703.606 triệu đồng; loại trừ số chi nộp ngân sách cấp trên 1.325.130 triệu đồng.

(3) Thu ngân sách địa phương hưởng 100%: 2.220.212 triệu đồng, trong đó thu các khoản huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng: 5.360 triệu đồng./.



QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP (*)	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG NGUỒN THU NSNN (A+B+C+D)	11.397.519	11.056.579	17.476.552	17.029.236	153,34%	154,02%
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN	3.716.800	3.375.860	4.690.345	4.243.029	126,19%	125,69%
I	Thu nội địa	3.661.800	3.375.860	4.436.136	4.237.669	121,15%	125,53%
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	122.000	122.000	163.866	163.866	134,32%	134,32%
	Thuế giá trị gia tăng	119.000	119.000	160.273	160.273	134,68%	134,68%
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.000	3.000	3.594	3.594	119,80%	119,80%
	Thuế môn bài				0		
	Thu khác của ngành thuế				0		
2	Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương	40.000	40.000	34.345	34.345	85,86%	85,86%
	Thuế giá trị gia tăng	25.500	25.500	22.204	22.204	87,07%	87,07%
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.500	10.500	8.742	8.742	83,26%	83,26%
	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng SX trong nước				0		
	Thuế tài nguyên	4.000	4.000	3.399	3.399	84,98%	84,98%
	Thuế môn bài				0		
	Thu khác của ngành thuế				0		
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	2.000	2.000	97.120	97.120	4855,99%	4855,99%
	Thuế giá trị gia tăng	1.500	1.500	45.637	45.637	3042,47%	3042,47%
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	500	500	51.467	51.467	10293,32%	10293,32%
	Thuế tài nguyên			16	16		
	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước						
	Thuế môn bài						
	Thu khác						
4	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	950.000	950.000	1.283.049	1.282.970	135,06%	135,05%
	Thuế giá trị gia tăng	424.000	424.000	433.575	433.575	102,26%	102,26%
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	151.000	151.000	292.787	292.787	193,90%	193,90%
	Thuế tài nguyên	9.000	9.000	11.302	11.302	125,58%	125,58%
	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng SX trong nước	366.000	366.000	545.384	545.305	149,01%	148,99%
	Thuế môn bài		0		0		
	Thu khác		0		0		
5	Thuế thu nhập cá nhân	380.000	380.000	382.163	382.163	100,57%	100,57%
6	Thuế bảo vệ môi trường	304.000	113.000	207.177	77.070	68,15%	68,20%
	- Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	191.000		207.177	77.070	108,47%	
	- Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng sản xuất trong nước	113.000	113.000			0,00%	0,00%
7	Lệ phí trước bạ	175.000	175.000	141.541	141.541	80,88%	80,88%
8	Thu phí, lệ phí	79.800	45.000	65.334	35.645	81,87%	79,21%
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.000	3.000	3.305	3.305	110,16%	110,16%

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP (*)	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
11	Thu từ cho thuê, bán tài sản nhà nước			3.954	3.516		
12	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	30.000	30.000	36.485	36.485	121,62%	121,62%
13	Thu tiền sử dụng đất	200.000	200.000	326.757	326.757	163,38%	163,38%
14	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
15	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.300.000	1.300.000	1.470.572	1.470.572	113,12%	113,12%
16	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng	1.500	1.500	2.048	1.861		
17	Thu khác ngân sách	74.500	14.360	215.317	177.349	289,02%	1235,02%
18	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				0		
19	Thu từ các khoản huy động, đóng góp						
20	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	0	0	3.103	3.103		
21	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà						
II	Thu từ đầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	55.000		248.848		452,45%	
1	Số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	55.000	0	248.848	0	452,45%	
1.1	Thuế xuất khẩu	12.000				0,00%	
1.2	Thuế nhập khẩu	43.000		4.604		10,71%	
1.3	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu						
1.4	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu			130			
1.5	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu			244.077			
1.6	Thuế bảo vệ môi trường						
1.7	Thu khác			37			
IV	Thu viện trợ						
V	Các khoản đóng góp			5.360	5.360		
B	THU TỪ QUỸ DỰ TRÙ TÀI CHÍNH						
C	THU CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH	7.680.719	7.680.719	7.880.759	7.880.759	208,99%	208,99%
1	Thu bổ sung cân đối	5.455.461	5.455.461	5.455.461	5.455.461	100,00%	100,00%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	2.225.258	2.225.258	2.425.298	2.425.298	108,99%	108,99%
D	VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	0	0	102.859	102.859	0,00%	0,00%
1	Vay bù đắp bội chi ngân sách nhà nước (vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước)			102.859	102.859		
2	Vay để trả nợ gốc vay (vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước)						
E	THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC			845.463	845.463		
G	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG		0	3.957.126	3.957.126		

Ghi chú: (*) Số thu ngân sách địa phương chưa bao gồm số thu bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới 6.703.606 triệu đồng và số thu từ cấp dưới nộp lên 1.325.130 triệu đồng.



Biểu số 51

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 28 /NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	11.271.279	15.192.987	134,79%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	9.046.021	11.474.610	126,85%
I	Chi đầu tư phát triển	2.489.540	3.720.056	149,43%
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.489.540	3.557.819	142,91%
	Trong đó: Chi theo lĩnh vực			
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		678.396	
	- Chi khoa học và công nghệ		3.256	
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn			
	- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất			
	- Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
2	Chi trích lập quỹ phát triển đất			
3	Chi đầu tư phát triển khác		162.237	
II	Chi thường xuyên	6.378.855	7.731.368	121,20%
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		2.861.003	
2	Chi khoa học và công nghệ		8.350	
III	Chi trả nợ gốc vay; lãi phí vay trong nước		5.686	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	2.000	200,00%
V	Dự phòng ngân sách	176.626		0,00%
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
VII	Chi cho vay		15.500	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	2.225.258	9.745	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		9.745	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		3.708.632	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC		4.415	

Ghi chú: Số quyết toán chi NSDP không bao gồm số bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới số tiền là 6.703.606 triệu đồng; số chi nộp ngân sách cấp trên số tiền là 1.325.130 triệu đồng và chi trả nợ gốc 4.415 triệu đồng.



Biểu số 52

PHỤ LỤC SỐ 04

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO LĨNH VỰC NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 28 /NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	11.206.782	15.294.227	136,47%
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	4.217.634	5.902.644	139,95%
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO LĨNH VỰC (*)	4.763.890	5.336.825	112,03%
I	Chi đầu tư phát triển	2.098.345	2.466.399	117,54%
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.098.345	2.304.161	109,81%
1.1	Chi quốc phòng		18.404	
1.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội		11.598	
1.3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		69.887	
1.4	Chi khoa học và công nghệ		3.256	
1.5	Chi y tế, dân số và gia đình		11.159	
1.6	Chi văn hóa thông tin		69.326	
1.7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn		28.570	
1.8	Chi thể dục thể thao		86.524	
1.9	Chi bảo vệ môi trường		47.861	
1.10	Chi các hoạt động kinh tế		1.887.832	
1.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể		64.557	
1.12	Chi bảo đảm xã hội		5.187	
1.13	Chi ngành, lĩnh vực khác			
2	Chi trích lập quỹ phát triển đất			
3	Chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật		162.238	
II	Chi thường xuyên (*)	2.571.765	2.759.960	107,32%
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	564.978	522.554	92,49%
2	Chi khoa học và công nghệ	27.243	7.508	27,56%
3	Chi quốc phòng	190.192	267.525	140,66%
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	37.986	57.391	151,08%
5	Chi y tế, dân số và gia đình	725.319	1.025.689	141,41%
6	Chi văn hóa thông tin	24.201	22.972	94,92%
7	Chi phát thanh, truyền hình	19.409	17.090	88,05%
8	Chi thể dục thể thao	8.497	4.315	50,78%
9	Chi bảo vệ môi trường	47.160	79.991	169,62%
10	Chi các hoạt động kinh tế	369.431	314.349	85,09%
11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	374.799	385.033	102,73%
12	Chi bảo đảm xã hội	68.228	48.708	71,39%
13	Chi thường xuyên khác	114.322	6.835	5,98%
III	Chi trả nợ gốc; lãi phí vay trong nước		5.686	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	2.000	200,00%
V	Dự phòng ngân sách	92.780	92.780	100,00%



STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
VIII	Chi cho vay		10.000	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		2.834.159	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC		4.415	
F	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	2.225.258		0,00%
G	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		1.216.184	





Biểu số 53

QUYẾT TOÁN CHỈ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 28 /NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách địa phương	Cấp sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện, thị xã, thành
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI NSDP	11.278.418	6.991.927	4.286.491	15.192.987	8.170.985	7.022.002	134,71%	116,86%	163,82%
A	CHI CÁN ĐỐI NSDP	9.046.021	4.763.890	4.282.131	11.474.610	5.334.254	6.140.356	126,85%	111,97%	143,39%
I	Chi đầu tư phát triển	2.489.540	2.098.345	391.195	3.720.056	2.466.073	1.253.983	149,43%	117,52%	320,55%
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.489.540	2.098.345	391.195	3.720.056	2.466.073	1.253.983	149,43%	117,52%	320,55%
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực									
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề									
	- Chi khoa học và công nghệ									
	Trong đó: Chi theo nguồn vốn									
	- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất									
	- Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết									
2	Chi trích lập quỹ phát triển đất									
3	Chi đầu tư phát triển khác									
II	Chi thường xuyên	6.378.855	2.571.765	3.807.090	7.731.368	2.850.495	4.880.873	121,20%	110,84%	128,20%
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.893.607	564.978	2.328.629	2.860.737	522.404	2.338.333	98,86%	92,46%	100,42%
2	Chi khoa học và công nghệ	17.803	27.243		8.350	7.509	841	46,90%	27,56%	
III	Chi trả nợ gốc vay; lãi phí vay trong nước	0			5.686	5.686				
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000		2.000	2.000		200,00%	200,00%	
V	Dự phòng ngân sách	176.626	92.780	83.846	0					

STT	Nội dung	Dự toán	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách địa phương	Cấp sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện, thị xã, thành
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0	0		0					
VIII	Chi cho vay				15.500	10.000	5.500			
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	2.232.397	2.228.037	4.360	9.745	2.571	7.174	0,44%	0,12%	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	7.139	2.779	4.360	9.745	2.571	7.174	136,50%	92,52%	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	2.225.258	2.225.258							
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	0			3.708.632	2.834.160	874.472			
D	CHI TRẢ NỢ GÓC				4.415	4.415				

Ghi chú: Số quyết toán Tổng chi NSDP không bao gồm số bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới số tiền là 6.703.606 triệu đồng; số chi nộp ngân sách cấp trên số tiền là 1.325.130 triệu đồng và chi trả nợ gốc 4.415 triệu đồng.





QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 48/NQ-HND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Đưa toàn										Quyết toán										Tỷ lệ %																																																																																																																																																																																																																																																		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trợ cấp kinh phí địa phương	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi trợ cấp kinh phí địa phương	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG				Chi chương trình MTQG				Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trợ cấp kinh phí địa phương	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi hỗ trợ quỹ đầu tư tài chính

STT	Tên đơn vị	Dự toán						Quyết toán						Tỷ lệ %																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

STT	Tên đơn vị	Dự toán						Quyết toán						Tỷ lệ %						Chi chương trình MTQG		Chi chuyển nguồn sang năm sau									
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Tổng số đầu tư phát triển	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG											
																				Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên		Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên							
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
84.2	Đường huyện 42, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng												2.130																		
84.3	Nâng cấp Đường huyện 13 (Dự hoạch ĐT 936), thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng												19.740																		
84.4	Đường Thanh Niên (nối dài), thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng												0																		
84.5	Ôn định dân cư các hộ dân tộc thiểu số lập Trà Sắt, xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu												27.829																		
84.6	Tài cơ cấu sản xuất và phòng chống giám nhệ thiên tai vùng sản xuất hành tím của đồng bào Kmer, thị xã Vĩnh Châu												914																		
84.7	Đề biên từ cầu Mỹ Thanh 2 đến ranh Bạc Liêu (đoạn từ cầu Mỹ Thanh 2 đến Trà Sắt), thị xã Vĩnh Châu (gọi đơn 1)												1.165																		
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	-						-				-						-													
IV	Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính	1.000				1.000		-				2.000				2.000		-					200,00								
V	Dự phòng ngân sách	92.780				92.780		-				-						-					-								
V1	Chi bổ sung cho ngân sách huyện	4.217.634		4.217.634				-				5.902.644		5.902.644				-					139,95		139,95						
VII	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	-						-				2.834.160						-					2.834,160								

Ghi chú: Chi đầu tư chưa bao gồm chi trích lập Quỹ phát triển dài số niên 60 tỷ đồng; Hoàn trả các khoản vốn vay của ngân sách địa phương để đầu tư: 13,500 tỷ đồng



QUYẾT TOÁN CHI BỐ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH TỈNH TỪNG HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2021
(Kèm theo Nghị quyết số 28 /NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Biểu số 59

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Quyết toán										So sánh (%)														
		Bổ sung mục tiêu					Bổ sung mục tiêu					Bổ sung cân đối ngân sách	Tổng số	Bổ sung mục tiêu												
		Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Gồm	Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia	Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Gồm	Vốn ngoài nước			Vốn trong nước	Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia									
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17=9/1	18=10/2	19=11/3	20=12/4	21=13/5	22=14/6	23=15/7	24=16/8	
		Tổng số	5.902.644	3.533.112	2.369.533	0	2.369.533	1.255.391	1.109.783	4.359	5.902.644	3.533.112	2.369.533	0	2.369.533	1.255.391	1.109.783	4.359	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
1	Thành phố Sóc Trăng		323.232	132.978	190.254		190.254	112.182	78.072	0	323.232	132.978	190.254		190.254	112.182	78.072	0	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
2	Thị xã Vĩnh Châu		740.309	397.756	342.553		342.553	163.955	177.563	1.035	740.309	397.756	342.553		342.553	163.955	177.563	1.035	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
3	Thị xã Ngã Năm		457.648	270.822	186.826		186.826	78.228	108.248	350	457.648	270.822	186.826		186.826	78.228	108.248	350	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
4	Huyện Châu Thành		516.299	285.816	230.483		230.483	120.598	109.510	375	516.299	285.816	230.483		230.483	120.598	109.510	375	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
5	Huyện Cù Lao Dung		431.982	239.191	192.791		192.791	122.667	69.749	375	431.982	239.191	192.791		192.791	122.667	69.749	375	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
6	Huyện Kế Sách		708.071	472.192	235.879		235.879	125.541	109.963	375	708.071	472.192	235.879		235.879	125.541	109.963	375	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
7	Huyện Long Phú		504.076	325.690	178.386		178.386	87.869	90.142	375	504.076	325.690	178.386		178.386	87.869	90.142	375	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
8	Huyện Mỹ Tú		583.410	353.964	229.446		229.446	131.744	97.327	375	583.410	353.964	229.446		229.446	131.744	97.327	375	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
9	Huyện Mỹ Xuyên		560.452	379.371	181.081		181.081	96.575	84.157	349	560.452	379.371	181.081		181.081	96.575	84.157	349	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
10	Huyện Thanh Trì		528.987	316.888	212.099		212.099	124.063	87.661	375	528.987	316.888	212.099		212.099	124.063	87.661	375	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
11	Huyện Trần Đề		548.178	358.443	189.735		189.735	91.969	97.391	375	548.178	358.443	189.735		189.735	91.969	97.391	375	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2021
Kèm theo quyết định số 88/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng

STT	Nội dung	Quyết toán										So sánh (%)									
		Chương trình mục tiêu quốc gia					Chương trình mục tiêu quốc gia					Trong đó					Trong đó				
		Chi đầu tư phát triển		Kinh phí sự nghiệp			Chi đầu tư phát triển		Kinh phí sự nghiệp			Chi đầu tư phát triển		Kinh phí sự nghiệp			Chi đầu tư phát triển		Kinh phí sự nghiệp		
		Tổng số	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Chi ra	Vốn trong nước	Tổng số	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Chi ra	Vốn trong nước	Tổng số	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Chi ra	Vốn trong nước	Tổng số	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Chi ra	Vốn trong nước
	Tổng số	11.498	0	11.498	0	0	0	0	11.498	0	0	0	0	11.498	0	0	0	0	11.498	0	0
I	Ngân sách cấp tỉnh	7.139	0	7.139	0	0	0	0	7.139	0	0	0	0	7.139	0	0	0	0	7.139	0	0
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới	7.139	0	7.139	0	0	0	0	7.139	0	0	0	0	7.139	0	0	0	0	7.139	0	0
II	Ngân sách cấp huyện	4.360	0	4.360	0	0	0	0	4.360	0	0	0	0	4.360	0	0	0	0	4.360	0	0
1	Thành phố Sóc Trăng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Thị xã Vĩnh Châu	1.035	0	1.035	0	0	0	0	1.035	0	0	0	0	1.035	0	0	0	0	1.035	0	0
3	Thị xã Ngã Năm	350	0	350	0	0	0	0	350	0	0	0	0	350	0	0	0	0	350	0	0
4	Huyện Châu Thành	375	0	375	0	0	0	0	375	0	0	0	0	375	0	0	0	0	375	0	0
5	Huyện Cù Lao Dung	375	0	375	0	0	0	0	375	0	0	0	0	375	0	0	0	0	375	0	0
6	Huyện Kế Sách	375	0	375	0	0	0	0	375	0	0	0	0	375	0	0	0	0	375	0	0
7	Huyện Long Phú	375	0	375	0	0	0	0	375	0	0	0	0	375	0	0	0	0	375	0	0
8	Huyện Mỹ Tú	375	0	375	0	0	0	0	375	0	0	0	0	375	0	0	0	0	375	0	0
9	Huyện Mỹ Xuyên	350	0	350	0	0	0	0	350	0	0	0	0	350	0	0	0	0	350	0	0
10	Huyện Thanh Tri	375	0	375	0	0	0	0	375	0	0	0	0	375	0	0	0	0	375	0	0
11	Huyện Trần Đề	375	0	375	0	0	0	0	375	0	0	0	0	375	0	0	0	0	375	0	0



Biểu mẫu số 64

TỔNG HỢP THU DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG NĂM 2021
(KHÔNG BAO GỒM NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC)

(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

*(Kèm theo Nghị quyết số 28 /NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG SỐ	1.292.372	1.072.734	83,01
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	71.494	54.319	75,98
-	<i>Sự nghiệp giáo dục</i>	<i>50.996</i>	<i>35.481</i>	<i>69,58</i>
-	<i>Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề</i>	<i>20.499</i>	<i>18.838</i>	<i>91,90</i>
2	Sự nghiệp khoa học và công nghệ	3.712	4.319	116,35
3	Sự nghiệp y tế	949.657	766.424	80,71
4	Sự nghiệp văn hóa thông tin	4.497	2.775	61,71
5	Sự nghiệp phát thanh truyền hình	45.503	41.503	91,21
6	Sự nghiệp kinh tế	152.284	153.263	100,64
7	Sự nghiệp môi trường	65.225	50.131	76,86